

# TRAO ĐỔI



## Ý KIẾN

# VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH LẠI THÀNH PHẦN MỘT SỐ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

## VÀI NHẬN XÉT VỀ THÀNH PHẦN DÂN TỘC Ở HUYỆN TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

ĐẶNG NGHIÊM VẠN

Đã đến năm 1933, J. H. HOFFET<sup>1</sup> một nhà địa chất học Pháp, sau khi điếm lại những chuyến xâm nhập của bọn thực dân vào miền núi Quảng Nam, đã nói rằng, trừ một số cư dân ở gần vùng người Việt, những cư dân ở bên trong nội địa vẫn không thần phục chính quyền thực dân Pháp. Ông kể lại câu chuyện của Oden'hal vào cuối thế kỷ trước, khi đến Trà My chỉ ở lại đó được 3 ngày, sau phải vượt qua đèo Xêy lên phía bắc để về Huế<sup>2</sup>. Vì thế cho đến Cách mạng tháng Tám, trừ một vài điều ghi chép rời rạc nhưng quý giá của HOFFET<sup>3</sup> thì chưa có một tài liệu chắc chắn nào nghiên cứu về những cư dân vùng này. Do vậy, giới khoa học vẫn chỉ hiểu các cư dân ở đây qua những tài liệu gián tiếp được cung cấp bởi những cư dân láng giềng. Trong những năm đầu thập kỷ 70 của thế kỷ trước, nhờ những báo cáo có tính nghiên cứu của các cơ quan Liên khu V và tỉnh Quảng Nam, Nguyễn Hữu Thấu<sup>4</sup>, Vị Hoàng<sup>5</sup> và Nguyễn Quốc Lộc<sup>6</sup> nhắc đến họ trong bảng phân loại các thành phần dân tộc ở các tỉnh phía Nam.

Dưới chính quyền Ngụy, một số nhà nghiên cứu người Mỹ và Việt Nam cũng chỉ điếm tới họ một cách sơ sài<sup>7</sup> vì miền

này và nhất là huyện Trà My, suốt trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ luôn nằm trong khu căn cứ của cách mạng và kháng chiến.

Huyện Trà My bao gồm 2 vùng Bắc và Nam tách đôi bởi dòng sông Tranh, chia thành miền đường bộ và miền đường nước<sup>8</sup>, giáp các huyện Tiên Phước và Phước Sơn cùng tỉnh, huyện Trà Bồng (tỉnh Quảng Ngãi)) và miền bắc tỉnh Kon Tum, nằm về phía đông bắc ngọn núi Ngọc Linh đầy bí hiểm, rộng khoảng 162.000 ha trong đó hơn 90% là rừng<sup>9</sup>.

Suốt nhiều thế kỷ, cũng như các vùng khác trong khu vực bắc Tây Nguyên, huyện Trà My là nơi tranh chấp của các vương quốc<sup>10</sup>, là nơi chiến tranh, loạn lạc diễn ra liên tiếp, nhưng cũng lại là nơi các cư dân thường thông thương qua lại với miền Hạ Lào, miền bắc Tây Nguyên và miền đồng bằng Quảng Nam, bằng việc trao đổi các sản vật như quế, trâu đổi lấy chiêng, ché, trâu, lợn, gạo... Nếu ở miền thấp, một bộ phận cư dân, đặc biệt là nhóm Cor tiếp thu văn hoá Việt, thì ở vùng cao, các cư dân lại tiếp thu ảnh hưởng của Lào. Nhưng thật ra trong những thế kỷ gần đây, điều bận tâm đối với các cư dân đương nghiên cứu là những

cuộc chiến tranh cướp bóc, tàn sát vì những nguyên nhân tôn giáo, cũng như kinh tế, làm đổ máu vô ích nhiều người, tan nát nhiều làng (*plei*)<sup>11</sup>. Chính vì thế, ở đây hiếm thấy có những làng cổ còn nguyên vẹn, những cộng đồng làng bản (*plei*) thường được ghép lại mà số lượng dân vẫn rất ít<sup>12</sup>

Dưới chính quyền thực dân Pháp, do không áp đặt được bộ máy thống trị ở đây, nên chúng đã trả thù bằng cách khuyến khích những cuộc xô xát giữa các làng mạc và mở rộng nó ra những khu vực rộng hơn, với những quy mô lớn hơn. Bọn chúng còn dung túng những nhóm cư dân đã thần phục, cho tự do cướp phá các làng mạc chưa thần phục, hoặc lợi dụng tục “giết người tế thần” để cầu thần linh được mùa và tục “máu trả máu”, đẩy người dân vùng này đến chỗ hiểm kịch triền miên và luôn có nguy cơ chém giết lẫn nhau giữa các làng.

Chỉ đến Cách mạng tháng Tám, nhờ những cố gắng đầy hy sinh của người chiến sĩ cộng sản, cùng đồng khổ, cùng khoác đồ, thực hiện “ba cùng” với đồng bào, kiên nhẫn thức tỉnh họ trước mối thù giai cấp và dân tộc, đã liên kết tất cả các cư dân ở đây thành một khối thống nhất, xoá bỏ những hận thù từ nguồn gốc tôn giáo, để động viên họ vào cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đó là lần đầu tiên, các dân tộc ở đây đoàn kết như anh em trong nhà và cũng là lần đầu tiên, họ chấp nhận những người khách lạ sống trong cùng một làng. Đồng thời cùng từ ngày người cộng sản lên đây, những hàng rào phòng thủ chắc chắn bao vây quanh làng, để đề phòng sự đột nhập của những “người gan dạ” ở những làng xung quanh được phá bỏ. Con người không còn sợ hãi,

đã đi lại một mình ra xa hơn nơi cư trú để làm rẫy, đi săn hay đi thăm hỏi bạn bè họ hàng.

Những cư dân huyện Trà My (nếu không kể số người Kinh mới lên lập nghiệp chiếm khoảng 2.000<sup>13</sup> trong số 18.000 người) đều thuộc về các nhóm ngôn ngữ hệ Môn- Khơme, ngành Ba-na Bắc, có thể xếp vào 4 nhóm lớn:

1. Nhóm người Co (Cor) có khoảng trên 2.500 người cư trú chủ yếu ở 2 xã Trà Liên, Trà Thượng.
2. Nhóm người Ca-dong có khoảng trên 9.000 người, chủ yếu ở các xã Trà Đốc, Trà Giáp, Trà Mai, Trà Văn.
3. Nhóm người Xơ-đăng có khoảng trên 3.000 người, chủ yếu ở hai xã Trà Linh, Trà Nam.
4. Nhóm người Ba-noong có khoảng gần 1.000 người chủ yếu ở Trà Tập, Trà Lan, Trà Đốc.

Xét về phương diện nguồn gốc lịch sử của bốn nhóm người trên, cho đến nay, chưa có một tài liệu nào đề cập đầy đủ. Do bản thân bốn cư dân không có chữ viết, nên họ không để lại một tài liệu lịch sử thành văn nào. Những tài liệu tìm hiểu về các dân tộc này viết bằng chữ Việt (chữ Nôm hay chữ La tinh), chữ Chăm, chữ Lào đến nay chưa tìm thấy. Địa danh học không mang lại được một kết quả nào như ý, vì ngôn ngữ các cư dân trong vùng hiện nay không khác nhau bao nhiêu. Do vậy, thật khó đoán được ai là người đặt ra những tên sông, suối, gò, đồi... Chỉ biết rằng các địa danh gốc trong vùng đều là những từ Môn- Khơme. Không thấy có những địa danh gốc từ Việt- Mường hay từ Malayô- Pôlinêdiêng. Điều đó chỉ có thể khẳng định được đây là vùng cư trú ban đầu của những người Môn- Khơme.

Tất cả các cư dân ở đây đều lưu hành một huyền thoại thống nhất về nguồn gốc của cộng đồng<sup>14</sup>. Nội dung cơ bản của huyền thoại giống như cốt truyện về nạn hồng thủy và nguồn gốc của cặp người – tổ tiên cộng đồng, phổ biến ở miền Nam Trung Quốc và Đông Nam Á, cả lục địa và hải đảo. Chi tiết câu chuyện của bốn nhóm trong huyện Trà My tất có điểm khác nhau giữa cốt truyện của cộng đồng này và cộng đồng khác và giữa truyện của các địa phương khác nhau trong một cộng đồng. Sự thống nhất là trên đại thể và tập trung vào một chi tiết cơ bản nhất: *cặp vợ chồng ban đầu là người đàn bà và con chó*. Bản thân huyền thoại chỉ nêu lên được mối quan hệ gần gũi giữa 4 nhóm cư dân đó, chứ không thể đưa đến một kết luận gì xa hơn, vì huyền thoại này thấy ở rất nhiều dân tộc thuộc nhiều hệ ngôn ngữ khác nhau, từ Hmông- Dao, Tày - Thái, Môn- Khơme, Việt - Mường đến Malayô- Pôlinêdiêng, thậm chí cả các cư dân Tạng- Miến nữa. Có thể chấp nhận ý kiến của Ian Tchesnôv là cốt truyện đơn giản nhất lại thấy ở các cư dân Môn- Khơme và cốt truyện tìm thấy ở huyện Trà My lại cũng thuộc loại đơn giản và mang nhiều yếu tố nguyên sơ nhất. Một chi tiết đáng lưu ý là đỉnh núi không ngập nước đã cứu sống người đàn bà kia là ở ngay trong vùng. Người Cor cho đó là rặng núi Răng Cửa (Ngọc Ghê) phân chia Trà My và Trà Bồng hay núi Kon Ót; người Ca-dong cho là Hòn núi Bà (mul Kon Ót) thuộc xã Trà Giáp<sup>15</sup>; người Ba-noong lại cho là đỉnh núi Ngọc Sút ở nước Ca trông sang xã Trà Leng; còn nhóm Xơ-đăng lại cho chính là đỉnh núi Ngọc Rinh Rua trong vùng, mà các tài liệu địa lý thường gọi là núi Ngọc Linh, một ngọn núi cao nhất của Trường Sơn Nam (2.598m)<sup>16</sup>.

Nếu có thể gạt bỏ tính địa phương hoá của văn nghệ dân gian, chi tiết trên cũng cho tạm ghi xuất xứ của huyền thoại và của con người tạo nên huyền thoại đó là ở ngay trong vùng.

Tài liệu dân tộc học thâm lượm trực tiếp ở địa phương trong chuyến đi ngắn ngày vừa qua đã hé mở thêm một chứng cứ. Nhóm Xơ-đăng ở chân núi Ngọc Linh khẳng định là một bộ phận thuộc ngành Mơ-nâm (Xơ-đăng) ở xã Trà Linh đã lâu đời. Họ còn có bà con ở huyện Kon Plong bên tỉnh Kon Tum, liền kề đó. Một bộ phận khác thuộc ngành Tờ trah (Kon Lan) mới ở bên Kon Tum đi cư đến. Có thể xem nhóm này là người ở lâu trong vùng, vì miền bắc Kon Tum đã từ lâu là nơi cư trú của người Xơ-đăng. Nhóm người Cor ở Trà My, nổi tiếng là người trồng trâu giỏi và đã được một số người gọi là dân Trâu, tự nhận tổ tiên họ đã sống lâu đời trên mảnh đất Trà My, Trà Bồng. Họ cho rằng địa bàn cư trú của họ là miền chân núi liền giáp với đồng bằng. Ý kiến của một vài cụ bên Trà Bồng hay của một vài tác giả về tỉnh Quảng Ngãi đã cho tổ tiên họ xưa có mặt ở Li Sơn, chưa được xác định. Nếu xét về mặt ý thức tự giác dân tộc, người Cor ở Trà My đượm tình với quê hương ven bờ sông Tranh này. Việc buôn bán trâu và quế với vùng Tam Kỳ đã được sách báo nói đến từ 2 – 3 thế kỷ nay<sup>17</sup>. Chợ Tam Kỳ thời Nguyễn còn gọi là chợ Man<sup>18</sup>. Các cư dân quanh vùng đều thống nhất tên gọi của họ là Cor. Còn những tên thấy lưu hành trên các sách của các tác giả Pháp như Cửa, Khùa chỉ là do phát âm sai. Và cũng chả đáng trách ông Hoffet trong bài báo dẫn trên lại gọi cư dân này là Thấp để đối lập với cư dân Cao (?).

Ngược lại, tuy cũng đã thân thiết với tên gọi của mình không kém người Cor,

người Ca-dong nhớ rất rõ là tên gọi đó chỉ mới do một cán bộ kháng chiến chống Mỹ hồi năm 1960-1962 đặt cho họ, vì thấy những người cùng ngôn ngữ, ở phía bắc Kon Tum mang tên gọi đó. Những người Ca-dong ở Kon Tum lại nhớ có một bộ phận của họ bỏ đi sang bên kia dãy núi Ngọc Linh do sự xích mích được giải thích qua câu chuyện người em bị nghi ngờ là tham lam, giận anh bỏ đi. Trước đây, tên Ca-dong chưa hề được nhắc đến trong vùng. Người Ca-dong chỉ biết tự gọi mình theo tên các làng, chủ yếu đặt theo tên suối hay một thứ đặc sản ở địa phương, hoặc chịu khoác một tên là Ka-tang - không rõ phổ biến từ thuở nào, tức người ở bãi cỏ chăn trâu. Tên phiên xưng Ka-tang này cũng được gán cho những người thuộc cộng đồng khác như Xơ-dăng, Tà-riêng và một nhóm ở Lào mà Saurin đã miêu tả<sup>19</sup>. Những điều miêu tả đó lại không phù hợp với những phong tục của Ca-dong cũng như của Xơ-dăng hay Tà-riêng. Về phương diện tên gọi cũng như vậy. Ý thức cùng một cộng đồng Ca-dong thật mới được khôi phục nhờ có cách mạng. Còn ngược với người Cor, người Ca-dong bị chia xẻ thành từng làng và vì sự xui xẻo của chế độ trước đây, làm cho các làng Ca-dong khác vùng đã chém giết nhau. Do đấy những liên minh mà họ thiết lập cũng chỉ là người làng (*plei*) kế cận, bao gồm những người thân thuộc gần hay những người có thể thiết lập quan hệ hôn nhân theo một nguyên tắc khá chặt chẽ. Nhưng đứng về phương diện lịch sử mà xét, thì người Ca-dong rất có ý thức họ là người đã sớm ở vùng này. Bộ phận của họ bên huyện Sơn Hà (Quảng Ngãi) ảnh hưởng khá đậm của người Hrê và cũng đã có ít quan hệ với nhóm ở Trà My, nơi họ từ đó tách ra. Bộ phận ở bắc Kon

Tum thì không xa lạ gì với họ và vẫn có những quan hệ gần gũi, mặc dầu về ngôn ngữ, phong tục tập quán đã khác nhau ít nhiều.

Người Ba-noong thường bị gọi chệch là Pnong hay Mnong, cư trú chủ yếu ở Phước Sơn. Bộ phận ở huyện Trà My sống tiếp giáp với người đồng tộc huyện bên và gần đây đã tản ra sống xen lẫn với người Ca-dong. Và điều lạ nhất là phần đông họ cũng không biết có người đồng tộc của mình bên Phước Sơn nữa. Đây là nhóm người mà Vũ Đình Lợi đã miêu tả<sup>20</sup>. Nếu cư dân này nhận Giang, Rẫy - hai vị anh hùng chống Nhật, Pháp là người đồng tộc, thì xem ra họ là một bộ phận của người Giê<sup>21</sup>. Nhưng do cư trú khá xa nhau, lại hấp thu những yếu tố văn hoá ở các địa phương khác nhau, quan hệ trên thực tế của hai nhóm từ lâu không còn nữa. Người Ba-noong còn giữ được nhiều đặc tính tộc người là bộ phận sống ở Phước Sơn. Còn bộ phận Ba-noong ở Trà My chịu ảnh hưởng quá đậm của người Ca-dong và chỉ còn giữ lại ít nét về phong tục tập quán của mình. Theo như các cụ già gặp được, người Ba-noong ở đây là từ bên Phước Sơn qua, sống bên cạnh người Ca-dong cùng một vùng cư trú không cao như Xơ-dăng, cũng không thấp như Cor, nên dễ hoà vào nhau. Chỉ riêng hai cư dân này thắng hoặc còn lấy vợ, gả chồng cho nhau. Vì thế có thể tạm kết luận: những cư dân nói trên đều sớm có mặt trên đất Trà My, là những cư dân bản địa mà cuộc sống qua nhiều thế kỷ đã gắn liền với quê hương của quê và trâu.

Do cư trú lâu đời bên nhau trên cùng một mảnh đất, các nhóm cư dân kể trên đã tự ý thức dưới một tên chung là *Tmoi*<sup>22</sup> để đối lập với người Lào mà họ thống nhất gọi là *Lao*, còn người Việt thì gọi là *Doät*<sup>23</sup>.

Cũng cần lưu ý rằng từ *Tmoi* dù địa phương khác đã nhuộm ý nghĩa khinh thị, phân biệt, thì cho đến tận ngày nay, ở Trà My danh từ đó vẫn được thông dụng một cách tự nhiên và người tự nhận là *Tmoi* còn cảm thấy thích thú và tự hào. Ý thức cùng là *Tmoi* chính là sự khẳng định họ đều nằm trong một cộng đồng khu vực, một cộng đồng lịch sử- văn hoá. Giữa họ, mặc dầu có những khác biệt đáng kể về tiếng mẹ đẻ, nhưng không có sự cách biệt về ngôn ngữ. Từ người già cho đến con trẻ, bất kỳ ai cũng đều sử dụng hay hiểu được ngôn ngữ của nhau và kỳ lạ nhất không một tiếng nói của một cộng đồng nào được coi là chủ thể. Khách đến vùng nào, tiếng nói của vùng đó được sử dụng. Ở chợ Trà My hay ở các thị trấn khác trong huyện, các ngôn ngữ đều được sử dụng. Tiếng Việt hay đúng hơn là tiếng nói chung của cả nước, của cộng đồng dân tộc Việt Nam đến nay được tôn trọng và được mọi người sử dụng trong giao thiệp giữa các cư dân. Đó là nhờ sự giác ngộ về ý thức của tất cả mọi người không phân biệt thành phần dân tộc qua bao nhiêu năm sát cánh bên nhau bảo vệ quê hương và xây dựng cuộc sống xã hội chủ nghĩa.

Nói chung những cư dân ở đây đều ở một trình độ phát triển xã hội và có những nét văn hoá giống nhau. Tổ chức sản xuất, hình thức xã hội, lễ thức tôn giáo, phong tục tập quán có những điểm cơ bản giống nhau. Những khác biệt mang tính địa phương hơn là tính dân tộc. Không có một cư dân nào có tổ chức xã hội của riêng mình. Làng (*plei*) là đơn vị tổ chức xã hội cổ truyền độc nhất. Hệ thống tổ chức hành chính của chính quyền trung ương ấn định chung cho các dân tộc cùng địa phương. Một xã đặt ra không theo ranh giới dân tộc. Không có lễ thức cổ

truyền tương ứng với xã cũng như với một cộng đồng tộc người. Trừ một số nơi biết làm ruộng nước hay làm một nghề thủ công nhất định (rèn, dệt vải), chu kỳ sản xuất nương rẫy dường như thống nhất. Dịp lễ quan trọng nhất trong một năm của tất cả cư dân là lễ đâm trâu.

Ông thần trực tiếp nhất chi phối đến vận mệnh từng cá nhân là thần bản mệnh. Thần mặt trời và hồn lúa là hai thế lực siêu nhiên đáng vì nề. Nguyên tắc cơ bản trong hôn nhân là hôn nhân hai chiều, đây chuyên phát triển từ hình thức hôn nhân lưỡng hợp. Tất cả những người cùng thế hệ mà bà con có quan hệ hôn nhân trực tiếp hay gián tiếp với nhau đều được coi là anh em và con cháu họ không được thiết lập quan hệ hôn nhân với nhau. Người cháu chỉ được lấy người cùng thế hệ hôn nhân với nhau một khi người ông đã qua đời<sup>24</sup>. Hình thức tiểu gia đình đã được thiết lập trong một làng (*plei*) dù *plei* đó bao gồm một nóc hay nhiều nóc nhà... Và sự khác biệt trong cộng đồng lịch sử văn hoá này tất còn tồn tại chỉ là những chi tiết biểu thị tính địa phương, tính dân tộc và thể hiện trình độ chênh lệch không lớn giữa nhóm người này và nhóm người khác. Nếu người Cor đã không ở nhà dài như người đồng tộc của họ ở Trà Bồng, mà đã phổ biến sinh sống dưới những mái nhà nền đất kiến trúc như người Kinh, thì không thể coi là có sự khác nhau với một số người Ca-dong hay người Ba-noong còn ở nhà dài như toa tàu, vì trước đây họ cũng đã có thời kỳ cư trú như những người lán giềng của họ. Và người Xơ-đăng giỏi nghề rèn hay làm ruộng bậc thang chỉ là do điều kiện tiếp thu văn hoá bên ngoài thuận lợi hơn những cư dân nội địa. Thế nhưng, mộ táng người Ca-dong, người Ba-noong dựng nhà đá, tất khác mộ táng

người Cor đắp bằng đất. Và người Cor lại coi tết *Xa ní* vào tháng 10 âm lịch là ngày đầu năm, mọi người được thêm một tuổi, còn ba nhóm khác thì theo âm lịch...

Những người *Tmoi* trong huyện lại tự phân biệt nhau là dân vùng thấp (*Tmoi ní, Kliang, Đóng, Nual*), dân vùng cao (*Tmoi sngi, Tmoi pơ pêl, Pi pêl, Kol hay Dot*), dân đường bộ (*Pa cung*), hay đường nước (*Pa đác*) hay cư dân bên này sông Tranh (*Tmoi pucô tác*) và bên kia sông Tranh (*Tmoi ptao tác*). Sự phân biệt này có cảm tưởng như sự phân biệt của một cộng đồng ở khác vùng, vì những từ chung trên kia không nhằm chỉ riêng một tộc người nhất định nào. Xuất phát của sự phân biệt này là do cư dân của hai vùng đó có những khác biệt nhất định, có mức độ về cung cách sản xuất, về trình độ xã hội, về tiếp thu văn hoá của người Kinh và Lào. Người Xơ-đăng trên cao coi cả ba nhóm cư dân khác trong huyện đều là *Kliang* (*Kliang* còn có nghĩa là người hiểu biết, giao dịch nhiều, ngược với *Nual* là người ở vùng cao chỉ biết ở nhà sản xuất). Nhưng trên thực tế, họ cùng với người Ca-dong và Ba-noong đều là người bên này sông Tranh và đều là người vùng cao. Ngược lại, người Cor và một bộ phận người Ca-dong lại là người bên kia sông Tranh và thường coi người Xơ-đăng, Ca-dong, Ba-noong đều là người *Pơ pêl*. Đồng thời người Cor cũng nhận người Ca-dong hay Ba-noong là *Tmoi kioc* tức là người cùng làm rẫy, nhưng khác tiếng nói. Thực tế đó phản ánh những điểm giống nhau giữa ba nhóm trên nhiều hơn so với người Cor.

Nếu nhìn rộng ra một chút, sự khác biệt giữa người vùng cao (Xơ-đăng, Ca-dong, Ba-noong) trong huyện Trà My không lớn hơn sự khác biệt giữa cùng một

tộc người với những người đồng tộc ở huyện, tỉnh khác. Một thí dụ rõ rệt nhất là người Ca-dong cư trú ở Quảng Ngãi. Nhóm này ảnh hưởng văn hoá của người Hre. Ở Kon Tum, họ gần với người Xơ-đăng và các cư dân xung quanh<sup>25</sup>. Người Ba-noong ở Trà My gần người Ca-dong Trà My, trong khi đó nhóm ở Phước Sơn còn giữ được nhiều nét riêng. Nếu bản miêu thuật về người Cor ở Trà Bồng do Ngô Vĩnh Bình giới thiệu phản ánh đúng, thì phong tục người Cor ở Trà My đã có nhiều điểm khác<sup>26</sup> và sự khác nhau đó cũng lớn không kém gì giữa người Cor và người Ca-dong sống gần gũi nhau liền xã và cùng huyện.

Cuối cùng, những người *Tmoi* trong huyện cũng tự phân biệt với nhau về mặt tộc người. Điều này thể hiện rất rõ trên ý thức của họ và trên một số nét về văn hoá. Ở người Xơ-đăng và người Cor, ý thức tộc người của họ rất rõ về bản thân và nhóm cư trú xen kẽ. Ý thức đó kém dần ở nhóm Ba-noong và nhiều khi mờ nhạt ở người Ca-dong. Ở đây, con người có ý thức về *plei* của mình, chứ ý thức chung của một cộng đồng lại chỉ tìm thấy ở những cán bộ, những thanh niên, không thấy ở người già. Đó là do thực tế tên gọi Ca-dong mới được du nhập vào họ từ 1960- 1962 trở lại đây. Và không lấy gì làm lạ khi đoàn chúng tôi thăm vấn năm cụ già thì hai cụ trả lời không rõ, hai cụ lại cho mình là người *Cơ-tu* (*Cơ-tu* trùng với tộc người *Cơ-tu* ở Hiên, Giàng hay Thừa Thiên và cũng là tên một *plei* cụ thể của người Ca-dong). Chỉ có một cụ sau khi suy nghĩ, đã trả lời là Ca-dong. Bản thân họ thích gọi họ là *Tmoi plei* này hay *plei* khác. Điều này cũng phản ánh nhận xét của H. Maitre, hồi đầu thế kỷ, khi ông viết: “Những người này (Ca-dong - Đ.N.V) vẫn là một

bộ phận của Xơ-dăng về tên gọi của họ gần với *Hérung* (tên người *Duan*) gọi người Xơ-dăng. Những người Ca-dong càng cư trú xa về phía trên thì lại khác đi và không biết có nên gộp họ chung vào Xơ-dăng hay chỉ nên coi là những nhánh của họ. Nhóm Ca-dong ở Quảng Nam có quan hệ với nhóm Ba-na ở Quảng Ngãi và được xem như những nhóm trung gian<sup>27</sup>. Ý kiến cụ thể phân loại Ca-dong vào dân tộc Xơ-dăng là hợp lý, nhưng rõ ràng H. Maitre đã nhận thấy tính phức tạp trong cộng đồng Ca-dong .

\* \*  
\*

Vậy là, cùng cư trú lâu đời trong một huyện, cùng trải qua những thế kỷ biến động dữ dội vì chiến tranh, loạn lạc, thiên tai<sup>28</sup>, lại ở một địa phương mà sự thông thương buôn bán đã phổ biến, bốn nhóm cư dân kể trên tất có sự tiếp xúc với nhau về văn hoá và tính thống nhất trong một cộng đồng bị phá vỡ lại rất lớn. Những nhóm cư dân này lại đều có những người đồng tộc ở tỉnh khác. Núi non hiểm trở, sông suối xa cách, chiến tranh, loạn lạc không cho phép họ tiếp xúc thường xuyên, giữa những người cùng một nhóm dân xa lạ nhau về tiếng nói, phong tục, văn hóa. Chính vì vậy, ý thức chung cùng một cộng đồng lại giảm sút, nhất là ở hai nhóm Ba-noong và Ca-dong . Trong khi đó, sự hợp nhất giữa hai nhóm trong huyện lại chưa chín muồi. Tất cả những điều trên gây khó khăn cho việc xác định thành phần dân tộc các nhóm cư dân ở đây. Nếu xét riêng huyện Trà My hay rộng ra cả tỉnh Quảng Nam, mọi người đều dễ chấp nhận là có bốn cộng đồng cư dân kể trên. Nhóm *Mơ-nâm* và *Tơ-trah* (hay *Kon-lan*) ở Trà Linh và Trà Nam còn nhớ và có ý thức

mình là một bộ phận của cộng đồng Xơ-dăng. Nhóm Cor ở Trà Liên, Trà Thượng còn gần gũi với nhóm Cor ở Trà Bồng và có thể coi là một bộ phận dân tộc Cor. Nhóm Ba-noong có ý thức thống nhất với người cùng nhóm ở Phước Sơn cùng tỉnh và xếp họ vào dân tộc Gié- Triêng ở Kon Tum là hợp lý hơn cả. Riêng nhóm Ca-dong có nhiều điểm gần hơn cả với nhóm Xơ-dăng. Đó là do sự phức tạp của một vùng nhiều biến động, tất có những khó khăn trong việc phân loại các dân tộc.

### Chú thích

1. J.H. Hoffet: *Les Mois de la Chaine annamitique entre Tourane et les Bolovens* Terre Air-Mer, La géographie LIX, N01, Janv 1933 tr. 1-43; *Etude géologique sur le centre de L'Indochine entre Tourane et la Mekong*. Bull. Ger. Géol. L'Indochine. Vol XX, Fas. 21, 1933.
2. Oden,hal: *Les routes de L'annam au Mekong* Rev. ind, illustrée N0 12, 1894.
3. J. H. Hoffet: bài đã dẫn.
4. Nguyễn Hữu Thấu. *Danh mục các dân tộc thiểu số miền Nam*. Tạp chí Dân tộc học, 1974, Số 1.
5. Vị Hoàng. *Về sự phân bố cư dân, nguồn gốc tên gọi và tổ chức xã hội người Xơ-dăng ở đông bắc tỉnh Kon Tum (Tây Nguyên)*. Tạp chí Dân tộc học, 1974, Số 1.
6. Nguyễn Quốc Lộc. *Các dân tộc ở Tây Nguyên (tộc danh và cư trú)*. Tạp chí Dân tộc học, 1975, Số 2.
7. Những tác phẩm chính có thể xem: G. C. Hickey. *Ethnolinguistic groups of Việt Nam. The Highland people of South Việt Nam*. Rand. Corporation Memorandum 1964; Frank. M. Lebar, G. C. Hickey, John K. Musgrave: *Ethnic Groups of mainland Southeast Asia*. New Haven 1964; The Summer Institute of Linguistics Sài Gòn: *Việt Nam Minority languages* 1972. Cửu Long Giang – Toan Ánh: *Cao nguyên vùng Thượng*. Sài Gòn, 1974.

8. Trước năm 1975, hai miền đó tương ứng với hai huyện Bắc Trà My và Nam Trà My.
9. Tài liệu của Huyện uỷ huyện Trà My.
10. Trước thời Pháp, đây là nơi của hai nước Việt và Lào, với các vương quốc vùng Trung, Hạ Lào bị tàn phá bởi phong kiến Lào và Xiêm La. Đây cũng là đường thông thương giữa miền Hạ Lào với miền trung Trung Bộ, một nơi có nhiều đặc sản hấp dẫn (quế, trâu, vàng, nhựa thông...).
11. Hiện tượng buôn bán nô lệ xảy ra đột biến trong lịch sử miền Trường Sơn – Tây Nguyên cùng lúc với sự xâm lược của vương quốc Xiêm La. Trường Sơn - Tây Nguyên là một nguồn cung cấp nô lệ cho các thị trường Băng Cốc, Attapur ... hồi đó.
12. Qua việc điều tra 18 *plei* (làng) ở những vùng thấp như Trà Đốc, Trà Giáp, hầu như không còn một *plei* nào nguyên vẹn. Thành phần các *plei* hiện nay đều là từ các *plei* bị phá vỡ hợp lại. Không còn những *plei* đồng đúc như hồi đầu thế kỷ. Bọn Pháp thường nói chúng có công chấm dứt việc buôn bán người ở vùng Hạ Lào. Điều này không đúng. Chiến tranh giữa các làng tăng cường hơn dưới thời Pháp, nạn chém giết không còn chỉ vì mục đích tôn giáo, mà vì nhiều lẽ, trong đó có sự xúi giục của bọn thực dân. Việc buôn người vẫn tồn tại và chính quyền thực dân không kiểm soát được.
13. Số liệu này cũng như ở các trang sau của Huyện uỷ huyện Trà My (1977).
14. Xem: Đặng Nghiêm Vạn. *Huyền thoại về nạn hồng thủy và nguồn gốc tộc người* trong sách *Dân tộc Văn hoá Tôn giáo*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 795-849; Ian Tchesnoov: *Lịch sử dân tộc học các nước Đông Dương* 1976. Mát-cơ-va (Bản Nga Văn).
15. Có người cho là núi Long Ôt ở xã Trà Tân, giáp tỉnh Quảng Ngãi.
16. Lê Bá Thảo. *Thiên nhiên Việt Nam*. Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội, 1977 tr. 177.
17. Lê Quý Đôn. *Phủ biên tạp lục*. Nxb Khoa học, Hà Nội, 1964; *Đại Nam nhất thống chí*, Tập II, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970.
18. *Đại Nam nhất thống chí*, Tập II, tr. 132.
19. E. Saurin, *Observations anthropologiques et ethniques de quelques villages (Saravane Laos)*. Ở Lào có một tộc người Ka-tang là nhóm Môn- Khme Phật hoá ở vùng Champaxác, số ít ở Xalavan và Xavanakhệ (Nguyễn Duy Thiệu. *Cấu trúc tộc người ở Lào*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996).
20. Vũ Đình Lợi. *Người Ba- noong*. Tạp chí Dân tộc học, 1979, Số 4, tr. 84-90. *Pnong* hay *Mnong*, cũng như *Ba-noong* theo tiếng Khơ me là người miền núi.
21. Người Giẻ cũng nhận Giang, Rẫy là người đồng tộc, còn chỉ đích danh ở làng nào.
22. *Tmoi* hay *Moi, Mol, Muan* là tên tự nhận của các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên, bắt đầu từ người Mường đến người Xtiêng.
23. *Doăt* hay *Doan* là tên gọi chung của các cư dân miền núi từ Thừa Thiên trở vào để chỉ người Kinh.
24. Xin xem ở bài miêu thuật về nhóm Ca-dong , do tác giả cùng viết với Ninh Văn Hiệp, Tạp chí Dân tộc học, Số 3, 1979.
25. Có thể so sánh ở hai miêu thuật về người Ca-dong : một ở Trà My và một ở Kon Tum, trong Đặng Nghiêm Vạn- Ninh Văn Hiệp. Bdd, và Đặng Nghiêm Vạn: *Người Xơ-đăng* trong Đặng Nghiêm Vạn và tập thể: *Các dân tộc tỉnh Gia Lai- Công Tum*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1982.
26. Ngô Vinh Bình. *Người Cor* (tư liệu Viện Dân tộc học).
27. H. Maitre: *Les jungles Moi*. Paris, 1912, tr. 413.
28. Rất nhiều truyền thuyết và truyện kể về những nạn sụt đất, nước dâng ở huyện này - một huyện nằm bên gờ núi Trường Sơn Nam đây nếp đứt gãy (Lê Bá Thảo: Sách đã dẫn, tr. 186 - 188).